TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

KHOA KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ



**ĐỒ ÁN MÔN HỌC**

**THIẾT KẾ VÀ LẬP TRÌNH WEBSITE**

Đề tài

**XÂY DỰNG WEBSITE BÁN Ô TÔ**

**VÀ PHỤ TÙNG Ô TÔ**

GVHD : T.S Nguyễn Hữu Vĩnh

SVTH : Phùng Thành Nhân

MSSV : 1524801030026

Lớp : D15PM01

Tháng 12/2017

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT**

**KHOA KỸ THUẬT – CÔNG NGHỆ**

**NHẬN XÉT VÀ CHẤM ĐIỂM CỦA GIẢNG VIÊN**

Họ và tên giảng viên: **Nguyễn Hữu Vĩnh**

Tên đề tài: **Xây Dựng Website Bán Ô Tô Và Phụ Tùng Ô Tô**

Nội dung nhận xét:

**Điểm:**

Bằng số:

Bằng chữ:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIẢNG VIÊN**  *(Ký, ghi rõ họ tên)*  **T.S. Nguyễn Hữu Vĩnh** |

**MỤC LỤC**

[1 KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ XÁC ĐỊNH YÊU CẦU 1](#_Toc501698299)

[**1.1.** **Khảo sát và xác định yêu cầu bài toán** 1](#_Toc501698300)

[**1.1.1.** **Nêu bài toán** 1](#_Toc501698301)

[**1.1.2.** **Khảo sát hiện trạng** 1](#_Toc501698302)

[**1.2.** **Phân tích yêu cầu người sử dụng** 2](#_Toc501698303)

[**1.2.1.** **Yêu cầu của người dùng không có quyền quản trị hệ thống** 2](#_Toc501698304)

[**1.2.2.** **Yêu cầu của BQL ( Người có quyền quản trị hệ thống )** 2](#_Toc501698305)

[2 PHÂN TÍCH HỆ THỐNG 3](#_Toc501698306)

[**2.1.** **Sơ đồ Use-Case** 3](#_Toc501698309)

[**2.2.** **Đặc tả Use Case** 3](#_Toc501698310)

[**2.2.1.** **Đặc tả Use Case Đăng Nhập** 3](#_Toc501698311)

[**2.2.2.** **Đặc tả Use Case Đăng Ký** 4](#_Toc501698312)

[**2.2.3.** **Đặc tả Use Case Tìm Kiếm** 5](#_Toc501698313)

[**2.2.4.** **Đặc tả Use Case Chọn SP** 5](#_Toc501698314)

[**2.2.5.** **Đặc tả Use Case Xem TTSP** 6](#_Toc501698315)

[**2.2.6.** **Đặc tả Use Case Xem – Cập Nhật Giỏ Hàng** 6](#_Toc501698316)

[**2.2.7.** **Đặc tả Use Case Thanh Toán** 7](#_Toc501698317)

[**2.2.8.** **Đặc tả Use Case Nhận Hàng** 8](#_Toc501698318)

[**2.2.9.** **Đặc tả Use Case Cập Nhật** 9](#_Toc501698319)

[**2.2.10.** **Đặc tả Use Case Tra Cứu** 9](#_Toc501698320)

[**2.2.11.** **Đặc tả Use Case Thêm Tài Khoản NV** 10](#_Toc501698321)

[**2.3.** **Biểu đồ hoạt động** 11](#_Toc501698322)

[**2.3.1.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Đăng Nhập** 11](#_Toc501698323)

[**2.3.2.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Đăng Ký** 12](#_Toc501698324)

[**2.3.3.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Tìm Kiếm** 13](#_Toc501698325)

[**2.3.4.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Chọn SP** 14](#_Toc501698326)

[**2.3.5.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Xem TTSP** 15](#_Toc501698327)

[**2.3.6.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Xem – Cập Nhật Giỏ Hàng** 16](#_Toc501698328)

[**2.3.7.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Thanh Toán** 17](#_Toc501698329)

[**2.3.8.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Nhận Hàng** 18](#_Toc501698330)

[**2.3.9.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Cập Nhật** 19](#_Toc501698331)

[**2.3.10.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Tra Cứu** 20](#_Toc501698332)

[**2.3.11.** **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Thêm Tài Khoản NV** 21](#_Toc501698333)

[**2.4.** **Biểu đồ tuần tự** 22](#_Toc501698334)

[**2.4.1.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Đăng Nhập** 22](#_Toc501698335)

[**2.4.2.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Đăng Ký** 22](#_Toc501698336)

[**2.4.3.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Tìm Kiếm** 23](#_Toc501698337)

[**2.4.4.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Chọn SP** 23](#_Toc501698338)

[**2.4.5.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Xem TTSP** 23](#_Toc501698339)

[**2.4.6.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Xem – Cập Nhật Giỏ Hàng** 24](#_Toc501698340)

[**2.4.7.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Thanh Toán** 24](#_Toc501698341)

[**2.4.8.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Nhận Hàng** 25](#_Toc501698342)

[**2.4.9.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Cập Nhật** 25](#_Toc501698343)

[**2.4.10.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Tra Cứu** 26](#_Toc501698344)

[**2.4.11.** **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Thêm Tài Khoản NV** 26](#_Toc501698345)

[**2.5.** **Biểu đồ lớp – Class Diagram** 27](#_Toc501698346)

[3. THIẾT KẾ HỆ THỐNG 28](#_Toc501698347)

[**3.1.** **Database Diagrams** 28](#_Toc501698348)

[**3.1.1.** **ACCOUNT Diagram** 29](#_Toc501698349)

[**3.1.2.** **GIOHANG Diagram** 29](#_Toc501698350)

[**3.1.3.** **HOADON Diagram** 29](#_Toc501698351)

[**3.1.4.** **NHANSANXUAT Diagram** 30](#_Toc501698352)

[**3.1.5.** **QUANGCAO Diagram** 30](#_Toc501698353)

[**3.1.6.** **TTCN Diagram** 30](#_Toc501698354)

[**3.1.7.** **SANPHAM Diagram** 31](#_Toc501698355)

[**3.1.8.** **THONGTINGH Diagram** 31](#_Toc501698356)

[**3.1.9.** **THONGTINHD Diagram** 31](#_Toc501698357)

[**3.1.10.** **TSKT (Thông số kỹ thuật) Diagram** 32](#_Toc501698358)

[**3.2.** **Giao Diện Website** 33](#_Toc501698359)

[4. TÀI LIỆU THAM KHẢO 36](#_Toc501698360)

**LỜI MỞ ĐẦU**

Ngày nay, ứng dụng công nghệ thông tin và việc tin học hóa được xem là một trong những yếu tố mang tính quyết định trong hoạt động của các chính phủ, tổ chức, cũng như của các công ty, nó đóng vai trò hết sức quan trọng, có thể tạo ra những bước đột phá mạnh mẽ.

Cùng với sự phát triển không ngừng về kỹ thuật máy tính và mạng điện tử, công nghệ thông tin cũng được những công nghệ có đẳng cấp cao và lần lượt chinh phục hết đỉnh cao này đến đỉnh cao khác. Mạng Internet là một trong những sản phẩm có giá trị hết sức lớn lao và ngày càng trở nên một công cụ không thể thiếu, là nền tảng chính cho sự truyền tải, trao đổi thông tin trên toàn cầu.

Giờ đây, mọi việc liên quan đến thông tin trở nên thật dễ dàng cho người sử dụng: chỉ cần có một máy tính kết nối internet và một dòng dữ liệu truy tìm thì gần như lập tức… cả thế giới về vấn đề mà bạn đang quan tâm sẽ hiện ra, có đầy đủ thông tin, hình ảnh và thậm chí đôi lúc có cả những âm thanh nếu bạn cần…

Bằng internet, chúng ta đã thực hiện được nhiều công việc với tốc độ nhanh hơn và chi phí thấp hơn nhiều so với cách thức truyền thống. Chính điều này, đã thúc đẩy sự khai sinh và phát triển của thương mại điện tử và chính phủ điện tử trên khắp thế giới, làm biến đổi đáng kể bộ mặt văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, giờ đây, thương mại điện tử đã khẳng định được vai trò xúc tiến và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp. Đối với một công ty hay một cửa hàng, việc quảng bá và giới thiệu đến khách hàng các sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu của khác hàng sẽ là cần thiết. Vậy phải quảng bá thế nào đó là xây dựng được một Website cho công ty của mình quảng bá tất cả các sản phẩm của mình bán.

Vì vậy, em đã thực hiện đồ án “Xây Dựng Website Bán Ô Tô Và Phụ Tùng Ô Tô” cho Công ty Anycar.

# KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG VÀ XÁC ĐỊNH YÊU CẦU

* 1. **Khảo sát và xác định yêu cầu bài toán** 
     1. **Nêu bài toán**
* **Modul sản phẩm**

Nhằm mục đích giới thiệu về các sản phẩm của Công ty, làm cho khách hàng thấy trước được sản phẩm họ sẽ dùng. Các sản phẩm trong từng nhóm sẽ làm nổi bật lên hình ảnh các sản phẩm cùng các thông tin số, tính năng của sản phẩm. Nhân viên quản lý thông tin sản phẩm chịu các vấn đề liên quan đến thông tin sản phẩm.

* **Modul quảng cáo**

Nhằm quảng cáo cho các hoạt động của công ty.

* **Modul tìm kiếm thông tin**

Để tiện cho khách hàng tra cứu thông tin về sản phẩm, đại lý một cách nhanh nhất. Các thông tin sẽ được tổ chức sao cho khách hàng tìm thấy thông tin cần thiết nhanh nhất trong một thời gian ngắn nhất.

Khách hàng chỉ cần cập nhật vào một số từ khoá và chọn tìm kiếm trong danh sách sản phẩm đại lý.

* **Modul Giỏ Hàng**

Cung cấp cho khách hàng công cụ mua phụ tùng ô tô trực tuyến. Các hình thức thanh toán và nhận hàng.

* + 1. **Khảo sát hiện trạng**
* **Địa điểm khảo sát**

Trong các ngày gần đây, em đã tiến hành khảo sát hệ thống **Công ty Cổ phần Ô Tô Anycar Việt Nam** bằng các phương pháp sau:

* Trao đổi trực tiếp với BQL Công ty: Về hiện trạng QL hệ thống, về khó khăn, thuận lợi và các vấn đề liên quan đến QL.
* Trao đổi với các NV.
* Khảo sát và lấy thông tin từ KH.
* Sử dụng thử nghiệm chương trình QL bằng hệ thống hiện tại, từ đó có thể hiểu sự hoạt động, ưu nhược điểm và các chức năng của hệ thống đang sử dụng.
  1. **Phân tích yêu cầu người sử dụng** 
     1. **Yêu cầu của người dùng không có quyền quản trị hệ thống**

Đây là đối tượng bao gồm các khách hàng. Yêu cầu của họ đối với hệ thống mới bao gồm:

* Tìm kiếm sản phẩm.
* Xem thông tin sản phẩm.
* Đặt mua các loại phụ tùng xe ô tô qua mạng .
  + 1. **Yêu cầu của BQL ( Người có quyền quản trị hệ thống )**
* Đưa mã sản phẩm, tên sản phầm vào hệ thống để dễ quản lý
* Quản trị dùng cho BQL cập nhật TT hệ thống như TT SP, TT về NSX, báo cáo TK, Doanh Thu, …
* Tìm kiếm thông tin sản phẩm
* Quản lý TT SP dùng cho NV có thể sử dụng các chức năng cập nhật sản phẩm như: Thêm, Xoá,Sửa, …
* Quản lý TT NSX dùng cho NV có thể sử dụng các chức năng cập nhật TT NSX như: Thêm, Xoá,Sửa, …
* Quản lý QC cho phép người sử dụng Thay đổi TTQC khi cần thiết.
* Quản lý KM cho phép người dùng cập nhật thông tin KM của SP.

# PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

2. 1. **Sơ đồ Use-Case**



* 1. **Đặc tả Use Case** 
     1. **Đặc tả Use Case Đăng Nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Đăng Nhập. |
| Mô tả | Use-Case cho phép khách hàng đăng nhập vào hệ thống để thực hiện những chức năng của mình. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng đăng nhập từ hệ thống. |
| Actors | Khach Hang, NVQL, BQL. |
| Tiền điều kiện | Người dùng phải có tài khoản trên hệ thống. |
| Hậu điều kiện | Người dùng đăng nhập thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập 2. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu 3. Hệ thống hiển thị kiểm tra thông tin đăng nhập. 4. Nếu thành công hệ thống hiển thị màn hình đăng nhập thành công. 5. Kết thúc use-case. |
| Luồng sự kiện phụ | Mật khẩu không hợp lệ: Khi người dùng nhập sai tên đăng nhập và mật khẩu   1. Hệ thống hiển thị lại màn hình đăng nhập để người dùng nhập lại thông tin kèm theo thông báo tên đăng nhập và mật khẩu bị sai. 2. Quay lại bước 1 trong luồng sự kiện chính. |

* + 1. **Đặc tả Use Case Đăng Ký**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Đăng Ký |
| Mô tả | Use-Case cho phép khách hàng đăng ký tài khoản. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng đăng ký từ hệ thống. |
| Actors | Khach Hang |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện | Đăng ký thành công |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị trang đăng ký. 2. Khách Hàng nhập thông tin hệ thống yêu cầu và nhấn đăng ký. 3. Nếu thành công hệ thống thông báo đăng ký thành công và trả về trang chủ. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | Khách hàng nhập thông tin không đúng yêu cầu từ hệ thống : Hiển thị thông báo và quay lại bước 1 trong luồng sự kiện chính. |

* + 1. **Đặc tả Use Case Tìm Kiếm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Tìm Kiếm |
| Mô tả | Use-Case cho phép khách hàng tìm kiếm sản phẩm khách hàng cần. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi người dùng chọn chức năng tìm kiếm |
| Actors | Khach Hang |
| Tiền điều kiện |  |
| Hậu điều kiện | Tìm kiếm thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị trang chủ. 2. Khách hàng nhập từ khoá vào ô tìm kiếm để tìm kiếm. 3. Hệ thống trả về dữ liệu liên quan. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | Không có sản phẩm khách hàng tìm kiếm : Trả về thông báo không có sản phẩm cần tìm. |

* + 1. **Đặc tả Use Case Chọn SP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Chọn SP |
| Mô tả | Use Case cho phép khách hàng chọn sản phầm đưa vào giỏ hàng. |
| Sự kiện kích hoạt | Khách hàng chọn chức năng Chọn SP. |
| Actors | Khach Hang |
| Tiền điều kiện | Khách hàng đã đăng nhập; Khách hàng vào xem TTSP. |
| Hậu điều kiện | Chọn SP thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị trang TTSP. 2. Khách hàng nhấn vào ô chọn sản phầm. 3. Hệ thống kiểm tra sản phẩm còn tồn kho hay không. 4. Nếu còn sản phầm được thêm vào giỏ hàng của khách hàng. 5. Hệ thống hiển thị màn hình thông báo thành công. 6. Use Case kết thúc. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. Sản phẩm không còn hàng : Hệ thống thông báo hết hàng tồn. 2. Kết thúc use-case. |

* + 1. **Đặc tả Use Case Xem TTSP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Xem TTSP |
| Mô tả | Use Case cho phép khách hàng xem các thông tin sản phẩm khách hàng đã chọn. |
| Sự kiện kích hoạt | Khách hàng nhấn vào sản phẩm. |
| Actors | Khach hang |
| Tiền điều kiện | Xem TTSP thành công. |
| Hậu điều kiện | Khách Hàng xem thông tin sản phẩm thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Trang chủ hiển thị các sản phẩm. 2. Khách Hàng nhấn vào sản phẩm. 3. Hệ thống hiển thị thông tin sản phẩm. 4. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + 1. **Đặc tả Use Case Xem – Cập Nhật Giỏ Hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Xem Gio Hang |
| Mô tả | Use Case cho phép khách hàng xem danh sách các sản phẩm đã chọn mua. |
| Sự kiện kích hoạt | Khách hàng chọn chức năng Xem giỏ hàng. |
| Actors | Khach Hang |
| Tiền điều kiện | Khách hàng đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện | Khách hàng xem thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị Trang chủ. 2. Khách hàng chọn chức năng xem giỏ hàng. 3. Hệ thống hiển thị danh sách sp. 4. Khách Hàng cập nhật Giỏ Hàng. 5. Nếu cập nhật thành công,thông báo cập nhật thành công. 6. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | Khách Hàng cập nhật Giỏ Hàng không thành công:   1. Thông tin sản phẩm cập nhật không đúng. 2. Trả về luồng sự kiện chính {3}.   Khách Hàng không cập nhật Giỏ Hàng : Kết thúc use-case. |

* + 1. **Đặc tả Use Case Thanh Toán**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Thanh Toán |
| Mô tả | Use Case cho phép khách hàng thanh toán các sản phẩm đã mua từ cửa hàng qua hệ thống. |
| Sự kiện kích hoạt | Khách hàng chọn chức năng thanh toán. |
| Actors | Khach Hang |
| Tiền điều kiện | Khách Hàng đang ở trong Giỏ Hàng. |
| Hậu điều kiện | Nhận Hàng. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị trang thanh toán.   A1-Khách hàng chọn chức năng thanh toán trực tiếp:   1. Hệ thống xác nhận. 2. Kết thúc use case.   A2-Khách hàng chọn chức năng thành toán trực tuyến:   1. Hệ thống hiển thị danh sách các ngân hàng liên kết với hệ thống và yêu cầu khách hàng chọn ngân hàng để thanh toán. 2. Khách Hàng nhập ID, Pass thẻ Visa và xác nhận thanh toán. 3. Khi hệ thống nhận được tiền chuyển khoản từ ngân hàng, thông báo thanh toán thành công đến khách hàng. 4. Nếu thanh toán thành công chuyển qua trang nhận hàng. 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | Thanh toán trực tuyến:   1. Hệ thống kiểm tra tài khoản ngân hàng không đủ để thanh toán hoặc sai thông tin thẻ ngân hàng. 2. Hệ thống thông báo thanh toán không thành công và trả về luồng sự kiện chính {1}. |

* + 1. **Đặc tả Use Case Nhận Hàng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Nhận Hàng |
| Mô tả | Use Case cho phép khách hàng chọn hình thức nhận hàng từ hệ thống. |
| Sự kiện kích hoạt | Khách hàng chọn chức năng nhận hàng. |
| Actors | Khach Hang |
| Tiền điều kiện | Khách hàng thanh toán thành công. |
| Hậu điều kiện | Khách hàng nhận hàng thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị trang nhận hàng.   A1-Khách hàng chọn chức năng nhận hàng tại cửa hàng:   1. Hệ thống xác nhận. 2. Kết thúc use case.   A2-Khách hàng chọn chức năng nhận hàng tại nhà:   1. Hệ thống yêu cầu khách hàng nhập địa chỉ giao hàng và số điện thoại khách hàng. 2. Hệ thống thông báo thành công cho khách hàng. 3. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + 1. **Đặc tả Use Case Cập Nhật**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Cập Nhật. |
| Mô tả | Use-Case cho phép Nhân viên quản lý cập nhật các thông tin sản phẩm, khuyến mãi, quảng cáo, nsx. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi nhân viên quản lý nhấn vào cập nhật |
| Actors | NVQL |
| Tiền điều kiện | NVQL đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện | Cập nhật thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị trang cập nhật. 2. NVQL chọn loại hình cập nhật: SP, KM, QC,NSX. 3. Hiển thị danh sách sp/km/qc/nsx. 4. NVQL chọn chức năng cập nhật. 5. Nhập (sửa) thông tin theo yêu cầu của hệ thống theo từng loại. 6. NVQL xác nhận cập nhật. 7. Nếu thành công hệ thống thông báo cập nhật thành công. 8. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | 1. NVQL nhập không đúng yêu cầu từ hệ thống. 2. Hệ thống thông báo cập nhật không thành công . 3. Trả về luồng sự kiện chính {3}. |

* + 1. **Đặc tả Use Case Tra Cứu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Tra Cứu |
| Mô tả | Use-Case cho phép BQL tra cứu thông tin, danh sách, thống kê / báo cáo từ hệ thống. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi ban quản lý nhấn vào Tra Cứu. |
| Actors | Ban Quan Ly |
| Tiền điều kiện | BQL đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện | Tra Cứu thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hệ thống hiển thị trang tra cứu. 2. Hệ thống hiển thị các loại danh sách. 3. BQL chọn loại Danh Sách cần xem. 4. Hệ thống hiển thị danh sách đã chọn. 5. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ |  |

* + 1. **Đặc tả Use Case Thêm Tài Khoản NV**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu đề** | **Nội dung** |
| Tên Use Case | Thêm Tài Khoản NV |
| Mô tả | Use-Case cho phép BQL thêm tài khoản cho nhân viên của Công ty. |
| Sự kiện kích hoạt | Khi BQL nhấn vào Thêm Tài Khoản NV. |
| Actors | Ban Quan Ly |
| Tiền điều kiện | BQL đã đăng nhập. |
| Hậu điều kiện | Thêm tài khoản thành công. |
| Luồng sự kiện chính | 1. Hiển thị Trang chủ. 2. BQL chọn thêm tài khoản NV. 3. Hiển thị Trang Thêm Tài Khoản NV. 4. Hệ thống yêu cầu BQL nhập thông tin tài khoản. 5. BQL xác nhận thêm tài khoản. 6. Thông báo thêm thành công. 7. Kết thúc use case. |
| Luồng sự kiện phụ | BQL nhập sai thông tin tài khoản :   1. Hệ thống thông báo nhập sai thông tin và yêu cầu nhập lại. 2. Trả về luồng sự kiện chính {3}. |

* 1. **Biểu đồ hoạt động**
     1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Đăng Nhập**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Đăng Ký**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Tìm Kiếm**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Chọn SP**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Xem TTSP**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Xem – Cập Nhật Giỏ Hàng**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Thanh Toán**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Nhận Hàng**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Cập Nhật**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Tra Cứu**

****

* + 1. **Biểu đồ hoạt động cho chức năng Thêm Tài Khoản NV**



* 1. **Biểu đồ tuần tự**
     1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Đăng Nhập**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Đăng Ký**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Tìm Kiếm**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Chọn SP**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Xem TTSP**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Xem – Cập Nhật Giỏ Hàng**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Thanh Toán**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Nhận Hàng**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Cập Nhật**



* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Tra Cứu**

****

* + 1. **Biểu đồ tuần tự cho chức năng Thêm Tài Khoản NV**

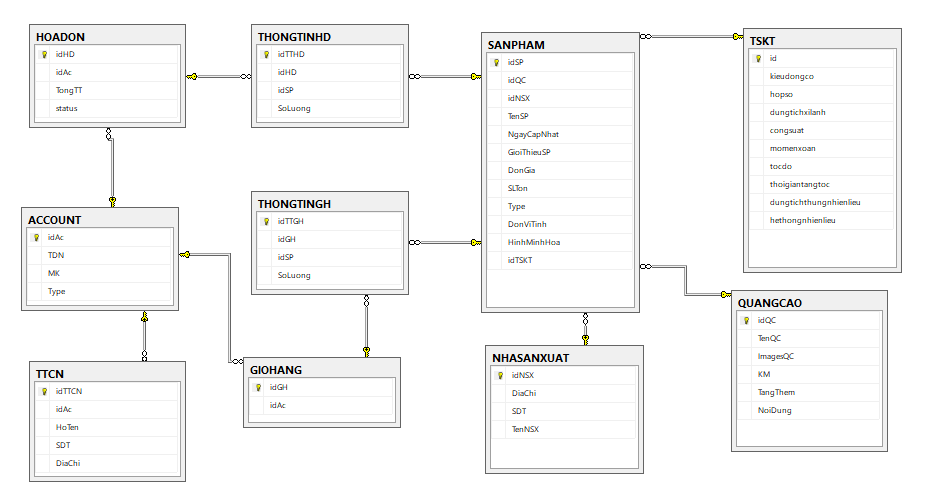


* 1. **Biểu đồ lớp – Class Diagram**

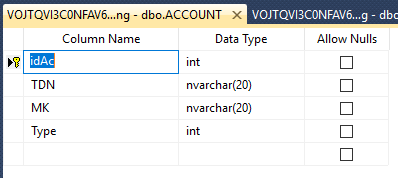


# THIẾT KẾ HỆ THỐNG

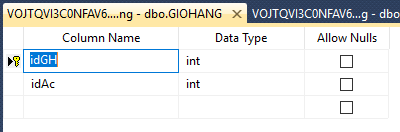
* 1. **Database Diagrams**



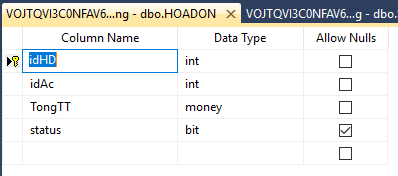
* + 1. **ACCOUNT Diagram**



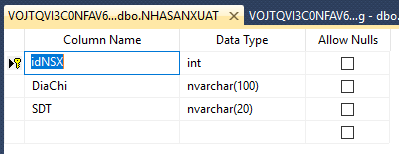
* + 1. **GIOHANG Diagram**



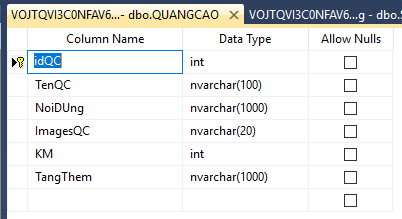
* + 1. **HOADON Diagram**



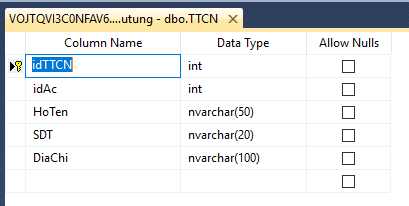
* + 1. **NHANSANXUAT Diagram**



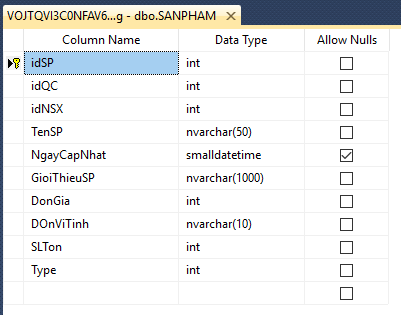
* + 1. **QUANGCAO Diagram**



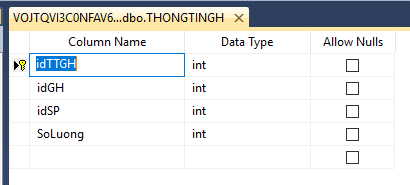
* + 1. **TTCN Diagram**



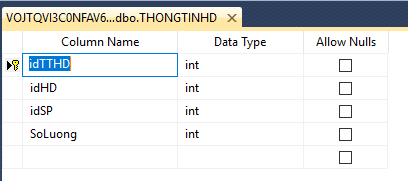
* + 1. **SANPHAM Diagram**



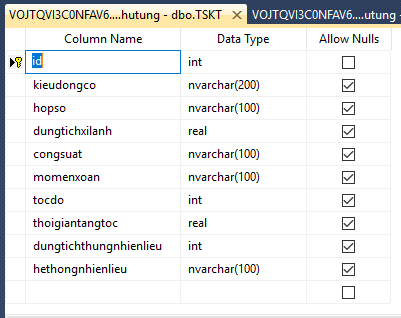
* + 1. **THONGTINGH Diagram**



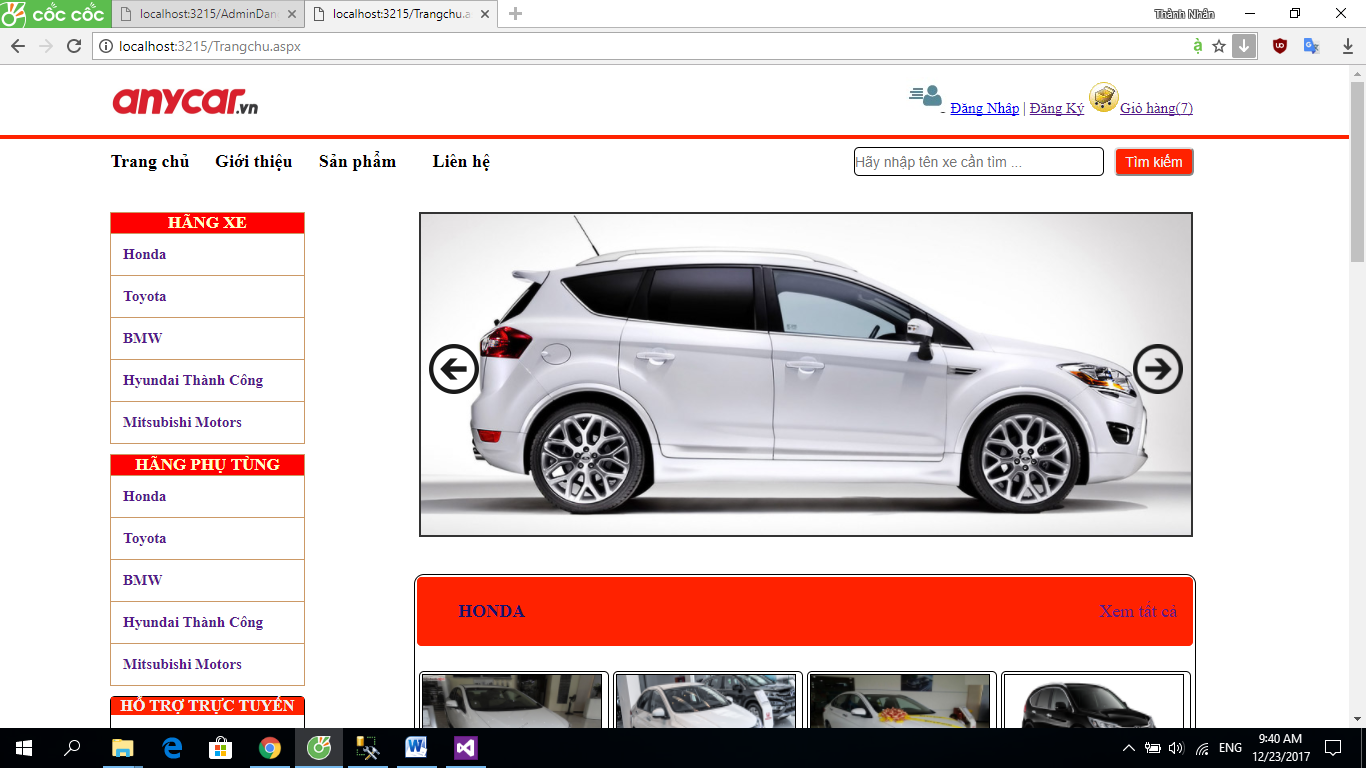
* + 1. **THONGTINHD Diagram**

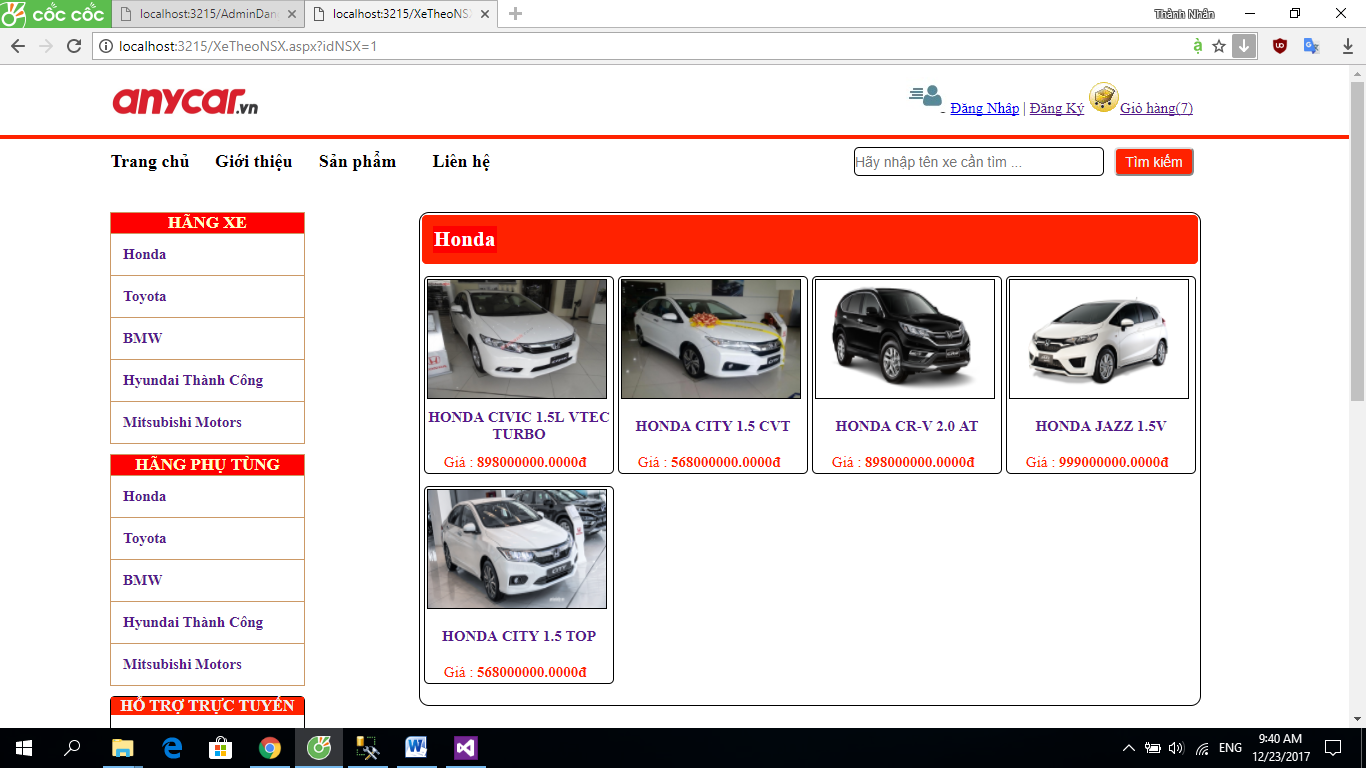


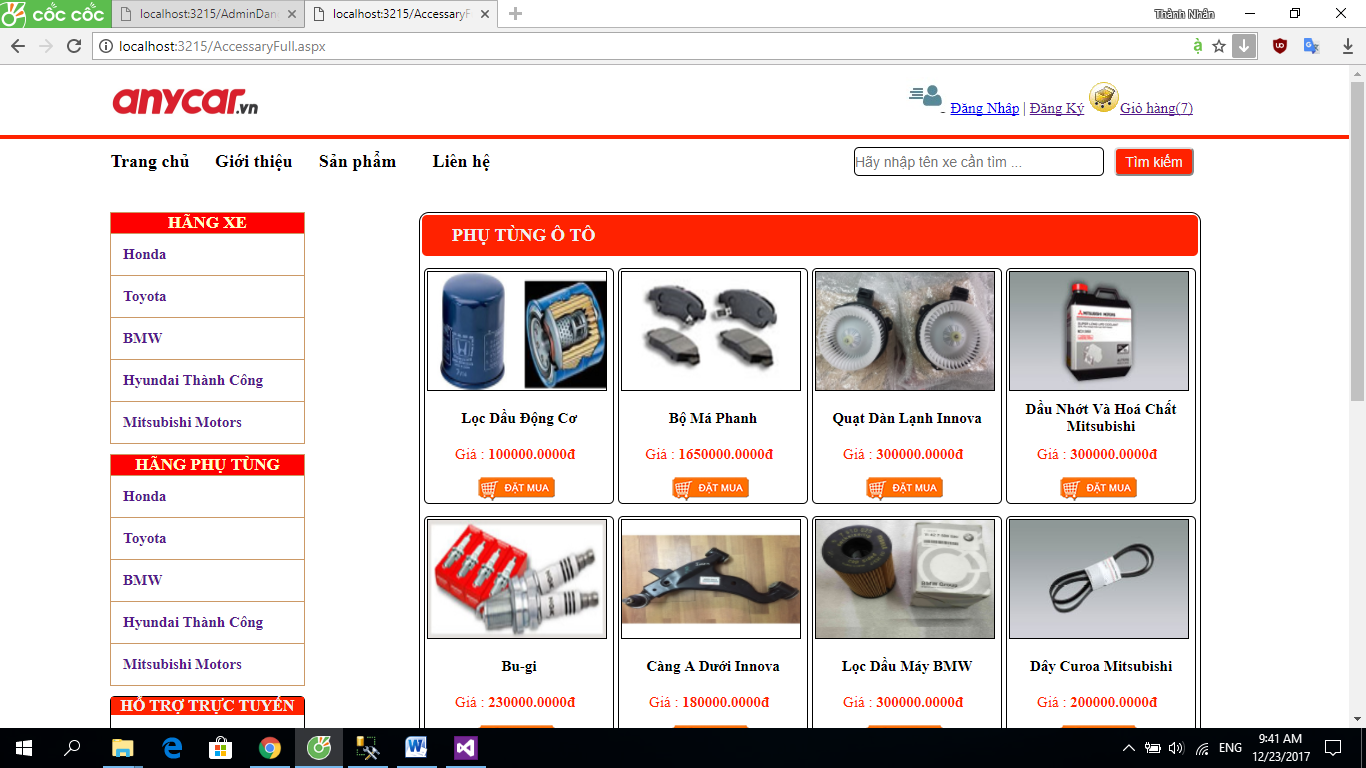
* + 1. **TSKT (Thông số kỹ thuật) Diagram**

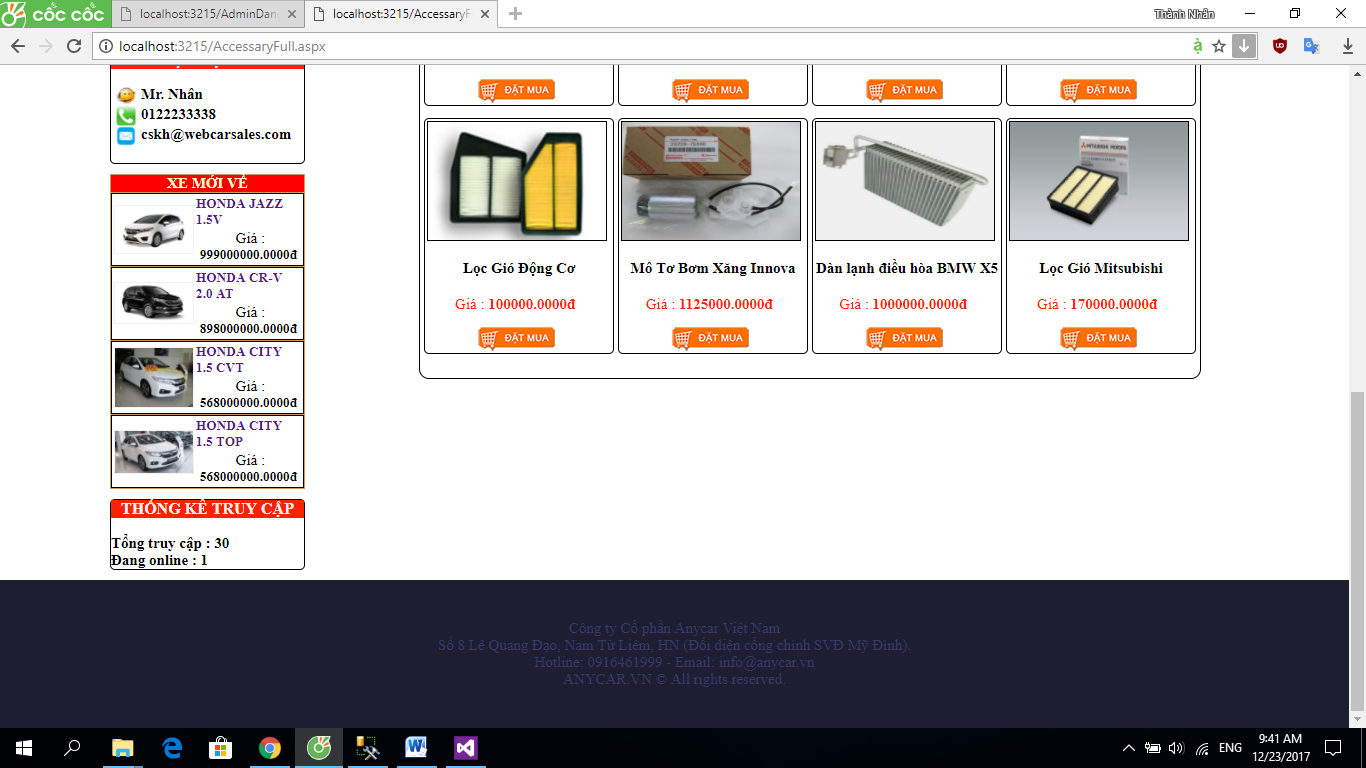


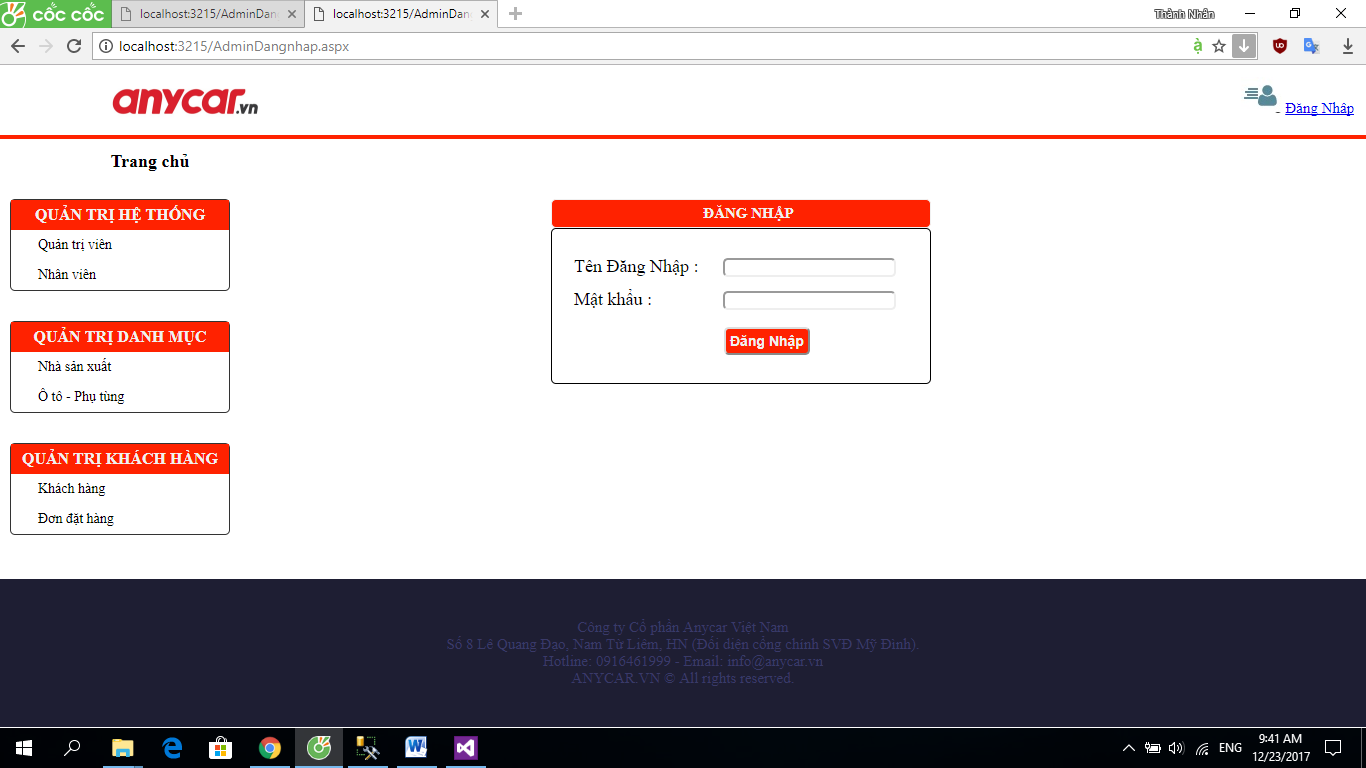
* 1. **Giao Diện Website**

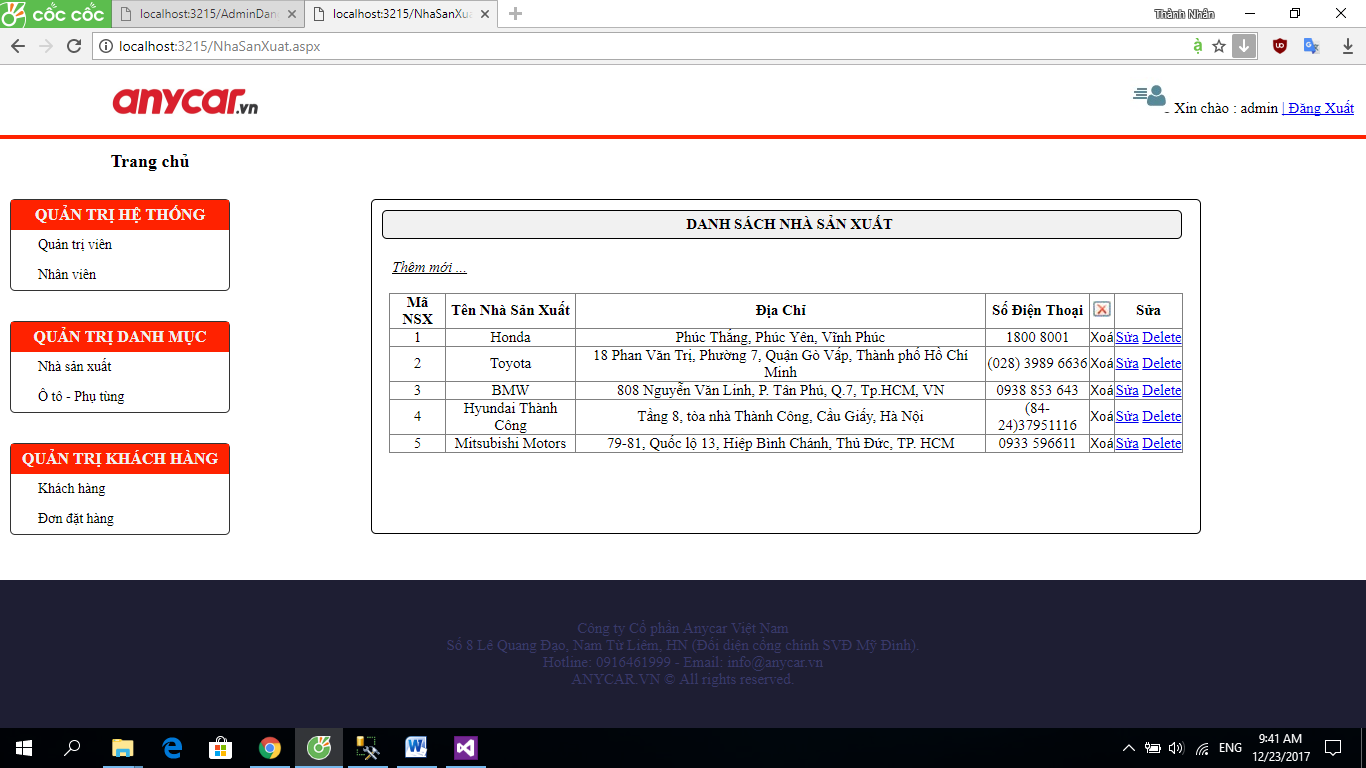












**KẾT LUẬN**

* Những điểm đạt được

+ Website đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của quá trình bán hàng. + Các thông tin được lưu trữ dể dàng nhanh chóng ,chính xác.

+ Các vùng nhập liệu được kiểm tra tránh sai sót trong quá trình nhập liệu.

* Những điểm hạn chế

+ Thiếu kinh nghiệm quá trình khảo sát dẫn đến phần mềm chưa hoàn thiện còn nhiều thiếu sót.

+ Kinh nghiệm thiết kế chưa nhiều, nhất là thiết kế giao diện.

+ Một số màn hình còn thiết kế chủ quan chưa thân thiện với người dùng.

* Hướng phát triển

+ Hoàn thiện chương trình giảm thiểu lỗi, thêm một số chức năng mới, điểm danh, chuyển lớp, phân quyền, thêm chức năng bảo mật,.. thiết kế giao diện thân thiện với người dùng.

1. **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

* <http://hiepsiit.com/>
* <http://thachpham.com/>
* Tài liệu hướng dẫn và thực hành lập trình web của thầy Vĩnh và thầy Lương .